

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG LÁNG TRÒN

**NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG LÁNG TRÒN
(TỪ NGÀY 01/7/2025 ĐẾN NGÀY 16/10/2025)**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Láng Tròn)

Đvt: đồng

TT	NGÀY, THÁNG	Số Quyết định	NỘI DUNG	SỐ TIỀN TỈNH BỔ SUNG	SỐ PHÂN BỐ	CÒN LẠI CHƯA PHÂN BỐ	GHI CHÚ
			TỔNG CỘNG	163.459.265.797	154.746.107.797	8.713.158.000	
I	16/08/2025	644/QĐ-UBND	BỔ SUNG CÂN ĐỐI	21.506.858.000	21.506.858.000		
II			BỔ SUNG MỤC TIÊU	141.952.407.797	133.239.249.797	8.713.158.000	
1	15/7/2025	157/QĐ-UBND	Kinh phí xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo thực hiện Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát (đợt 3)	870.000.000	870.000.000	-	
2	18/7/20255	0210/QĐ-UBND	Kinh phí xây dựng nhà ở cho người có công và thân nhân liệt sĩ khó khăn về nhà ở theo QĐ 21/20024/QĐ-TTg của TTCP (đợt 2).	3.700.000.000	3.380.000.000	320.000.000	
3	21/7/2025	0223/QĐ-UBND	Kinh phí bổ sung kinh phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trụ sở, trung tâm phục vụ hành chính công; mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc cho Ủy ban nhân dân các xã, phường năm 2025	889.000.000	500.000.000	389.000.000	
4	22/7/2025	0239/QĐ-UBND	Giao dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề năm 2025 cho các xã, phường	66.013.155.000	66.013.155.000	-	
5	04/8/2025	01808/UBND-KTTH	Kinh phí thực hiện xác định giá đất cụ thể của các xã phường: Vĩnh Trạch, Hiệp Thành, Láng Tròn	103.341.000	103.341.000	-	
6	05/8/2025	538/QĐ-UBND	Bổ sung kinh phí năm 2025 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường để tổ chức Đại hội Đảng, nhiệm kỳ 2025 - 2030	762.020.000	762.020.000	-	

TT	NGÀY, THÁNG	Số Quyết định	NỘI DUNG	SỐ TIỀN TÍNH BỔ SUNG	SỐ PHÂN BỐ	CÒN LẠI CHƯA PHÂN BỐ	GHI CHÚ
7	08/8/2025	572/QĐ-UBND	Kinh phí giải quyết thực hiện chế độ, chính sách đối với người nghỉ việc theo NĐ 178/2024, NĐ 67/2025	13.954.313.997	13.954.313.997	-	
8	18/8/2025	0647/QĐ-UBND	Kinh phí giải quyết thực hiện các chính sách an sinh xã hội 06 tháng cuối năm 2025	16.449.000.000	10.463.750.000	5.985.250.000	
9	19/8/2025	0665/QĐ-UBND	Kinh phí tiền điện thấp sáng công cộng 6 tháng cuối năm 2025	132.000.000	132.000.000	-	
10	21/8/2025	02947/ UBND-KGVX	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cần thiết phục vụ khai giảng NH 2025-2026	4.650.000.000	4.643.866.000	6.134.000	
11	29/8/2025	03420/QĐ-UBND	Kinh phí xử lý sùn lùn, sạt lở khu vực chợ Láng Tròn	200.000.000	199.948.000	52.000	
12	30/8/2025	0822/QĐ-UBND; 519/TB-STC	Kinh phí thực hiện chính sách tặng quà cho nhân dân nhân kỷ niệm 80 năm cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2/9	4.677.200.000	4.677.200.000	-	
13	17/9/2025	0152/QĐ-UBND	Bổ sung kinh phí để đảm bảo nhiệm vụ chi cho Ủy ban nhân dân các xã, phường	4.875.000.000	4.467.688.000	407.312.000	
14	22/9/2025	670/TB-STC	Kinh phí giải quyết thực hiện chế độ, chính sách đối với người nghỉ việc theo NĐ 178/2024, NĐ 67/2025	1.089.155.000	1.089.155.000	-	
15	22/9/2025	1175/QĐ-UBND	Kinh phí Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ 2025-2030	161.250.000	161.250.000	-	
16	25/9/2025	714/TB-STC	Kinh phí giải quyết thực hiện chế độ, chính sách đối với người nghỉ việc theo NĐ 178/2024, NĐ 67/2025	18.052.712.000	18.052.712.000	-	
17	19/9/2025	648/TB-STC	Kinh phí giải quyết thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách theo NĐ 154 của Chính phủ (đợt III) 04 người	354.720.600	354.720.600	-	
18	22/9/2025	691/TB-STC	Kinh phí giải quyết thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách theo NĐ 154 của Chính phủ (đợt IV) 03 người	336.971.700	336.971.700	-	
18	25/9/2025	736/TB-STC	Kinh phí giải quyết thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách theo NĐ 154 của Chính phủ (đợt V) 11 người	3.077.158.500	3.077.158.500	-	

TT	NGÀY, THÁNG	Số Quyết định	NỘI DUNG	SỐ TIỀN TÍNH BỔ SUNG	SỐ PHÂN BỔ	CÒN LẠI CHƯA PHÂN BỔ	GHI CHÚ
19	14/10/2025	01369/QĐ-UBND	Bổ sung kinh phí hỗ trợ cho cán bộ , công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách và người lao động làm việc cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo NQ 08	547.000.000		547.000.000	
20	14/10/2025	01370/QĐ-UBND	Kinh phí mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung	1.058.410.000		1.058.410.000	